TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 9 - 2024
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Đức

Bà Vũ Thị Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Đăng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST - DS ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1989; nơi thường trú: khu K, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Bị đơn*: anh Nguyễn Thành B, sinh năm 1983; nơi thường trú: khu K, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về tình cảm: chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Thành B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 15/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu km 11, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh B chơi bời rượu chè, không chịu khó làm ăn, đã nhiều lần đánh đập chị. Hai bên gia đình nội ngoại cũng đã hòa giải, khuyên can nhưng không có kết

quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến tháng 04/2024 chị và hai con đã về nhà bố mẹ đẻ tại khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh sinh sống, cả hai đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Đến nay, chị X thấy bản thân không còn tình cảm với anh B, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, do đó chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành B.

Về con chung: chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Thành B có 02 con chung là: Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/5/2010 và Nguyễn Phương M, sinh ngày 07/4/2018. Quan điểm của chị X tại phiên tòa là muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Phương Mai cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Thành B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thành T cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); không ai phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của bị đơn (anh Nguyễn Thành B) như sau: anh và chị Nguyễn Thị X kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 15/10/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn, xích mích nhỏ trong cuộc sống, nguyên nhân là do hai vợ chồng đôi lúc bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị X đang giận dỗi anh nên cùng hai con về nhà ngoại tại khu T, phường Đ, thị xã Q sinh sống. Cuối tuần chị X vẫn đưa hai cháu về nhà với anh. Đối với quan điểm yêu cầu ly hôn của chị X, anh không đồng ý. Anh cho rằng mâu thuẫn 2 vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, anh muốn vợ chồng hòa giải mâu thuẫn để cùng đoàn tụ và nuôi dậy các con khôn lớn. Anh không chấp nhận những lý do xin ly hôn mà chị X đưa ra vì bản thân anh không phải là người xấu, anh cũng luôn chăm lo hết lòng vì vợ con, gia đình và là người chịu khó làm ăn.

Về con chung: anh B và chị Nguyễn Thị X có 02 con chung là: Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/5/2010 và Nguyễn Phương M, sinh ngày 07/4/2018.

Nếu trường hợp phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thành T cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Phương Mai cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); không ai phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: quá trình hòa giải tại Tòa án, anh Nguyễn Thành B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên ngày 23/8/2023 anh B có gửi cho Tòa án 01 đơn trình bày trong đó nêu việc vợ chồng anh có một khoản vay Ngân hàng, tuy nhiên anh cũng không yêu cầu cụ thể đề nghị Tòa án giải quyết nội dung này.

Tại biên bản xác minh ngày 07/8/2024 tại khu phố K, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, đại diện địa phương đã xác nhận: chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Thành B đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 15/10/2009. Sau khi

kết hôn chị X và anh B về chung sống tại địa phương. Sau một thời gian dài chung sống hạnh phúc, giữa hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai người không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Hiện nay chị X và anh B đang sống ly thân, chị X cùng hai con đã về nhà bố mẹ đẻ của chị X tại khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh sinh sống. Đối với việc chị Nguyễn Thị X xin ly hôn với anh Nguyễn Thành B, địa phương có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Thành B có 02 con chung là Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/5/2010 và Nguyễn Phương M, sinh ngày 07/4/2018. Hiện nay cháu Nguyễn Thành T và Nguyễn Phương M được chị X đưa về nhà bố mẹ đẻ của chị X chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Cuối tuần các cháu là con chung của chị X và anh B vẫn về gia đình nhà nội tại địa phương để anh B chăm sóc. Nếu chị X và anh B không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật cũng như điều kiện thực tế của các bên để giao con cho người có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung, chính quyền địa phương không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X, cho chị X được ly hôn anh Nguyễn Thành B; về con chung: giao con chung con chung Nguyễn Phương M cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Thành T cho anh Nguyễn Thành B trực tiếp nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Thành B đều không phải cấp dưỡng con chung; về tài sản chung và nợ chung: không đề cập; về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền: nguyên đơn chị Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thành B; chị X và anh B đều có nơi cư trú tại thị xã Q, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.2 Về việc vắng mặt của đương sự: Đối với bị đơn là anh Nguyễn Thành B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Thành B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị X:

Quá trình giải quyết vụ án, chị X và anh B đều thừa nhận giữa hai người có nhiều mâu thuẫn gia đình là do chị và anh B có nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Anh B chơi bời rượu chè, không chịu khó làm ăn, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với chị X trong công việc gia đình, ngoài ra đã nhiều lần đánh đập chị. Như vậy anh B đã vi phạm Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Tuy nhiên để giải quyết yêu cầu ly hôn của chị X đối với anh B cần căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế của hai người.

Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án hòa giải nhiều lần, nhưng tại phiên tòa chị X vẫn xác định không còn tình cảm và cương quyết xin ly hôn anh B. Thực tế hiện tại chị X và anh B đã sống ly thân.

Anh Nguyễn Thành B thừa nhận giữa anh và chị X có nhiều mâu thuẫn nhưng anh cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn, xích mích nhỏ trong cuộc sống nguyên nhân là do hai vợ chồng đôi lúc bất đồng quan điểm sống. Đôi lúc nóng giận lên anh cũng có tát chị vài lần nhưng anh vẫn quan tâm đến gia đình vợ, con. Mặc dù anh mong muốn vợ chồng anh hòa giải mâu thuẫn để cùng đoàn tụ và nuôi dậy các con khôn lớn và không chấp nhận những lý do xin ly hôn mà chị X đưa ra nhưng lại không đưa ra được giải pháp nhằm hàn gắn tình cảm để chị X chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Thành B đã diễn ra trong một thời gian dài, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn. Do đó, có căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của chị X và anh B đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Hội đồng xét xử thấy: trong đời sống hôn nhân, giữa vợ và chồng phải thực sự có sự yêu thương, quý trọng và chăm sóc nhau thì mới xây dựng được một gia đình hạnh phúc, nếu một bên vợ hoặc chồng không còn tình cảm thì cưỡng ép sống chung với nhau cũng không mang lại kết quả, không đúng với mục đích tốt đẹp của hôn nhân. Vì vậy cần chấp

nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X, cho chị X được ly hôn anh B là phù hợp với theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: anh Nguyễn Thành B và chị Nguyễn Thị X có 02 con chung là: Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/5/2010 và Nguyễn Phương M, sinh ngày 07/4/2018.

Tại phiên tòa: quan điểm của chị X là muốn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Phương Mai cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Và anh Nguyễn Thành B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thành T cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); không ai phải cấp dưỡng con chung.

Anh Nguyễn Thành B vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản hòa giải ngày 02/8/2024, anh cũng có quan điểm về con chung là: muốn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thành T cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và để cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Phương Mai cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng con chung.

Tại văn bản lấy ý kiến của con chung ngày 02/8/2024, cháu Nguyễn Thành T cũng có nguyện vọng muốn được ở với bố cháu là anh Nguyễn Thành B.

Xét thấy quan điểm đề nghị của nguyên đơn là phù hợp ý kiến của bị đơn, phù hợp với ý kiến của con chung và các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về con chung của nguyên đơn.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: quá trình hòa giải tại Tòa án, chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Thành B đều trình bày là không có và không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên ngày 23/8/2024 anh Nguyễn Thành B có gửi cho Tòa án một đơn đề nghị, trong đơn anh trình bày là anh và chị X có một khoản nợ tại ngân hàng, nhưng anh cũng không cung cấp những tài liệu và chứng cứ cụ thể, không yêu cầu hay đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề này, yêu cầu này được bị đơn đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Anh Nguyễn Thành B có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản chung, khi có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Thành B.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Phương M, sinh ngày 07/4/2018 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/5/2010 cho anh Nguyễn Thành B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng con chung và đều có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị X có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, chị X đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0003928 ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tx. Quảng Yên;
- Chi cục THADS tx. Quảng Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND P. Minh Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Huy